

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 63/2025/DS-ST

Ngày 26-6-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

2. Ông Lê Văn Thương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Kiều Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 255/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H: Ông **Dương Thành C**, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp C, xã T, TP ., tỉnh Tiền Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2024 lập tại Văn phòng C2) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phạm Thị C1**, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bà **Trịnh Thị T**, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4. Người làm chứng: Ông Phạm Thành Ú, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, Tờ tự khai ngày 08/10/2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:**

Ngày 18/5/2024, ông Nguyễn Thanh S có vay của ông Nguyễn Văn H số tiền 120.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 01 tuần từ ngày 18/5/2024 đến ngày 25/5/2024. Ông H đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng số 6908205226481 của ông Nguyễn Thanh S vào ngày 18/5/2024. Từ khi vay đến nay, ông S không trả cho ông H bất kì khoản tiền nào dù ông H đã nhiều lần liên lạc đòi tiền.

Ông Nguyễn Văn H khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh S phải lại số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả nợ tạm tính từ ngày 01/6/2024 đến nay là 04 tháng với lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 3.984.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu anh Nguyễn Thanh S phải trả là 123.984.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 06/5/2025, ông Nguyễn Văn H trình bày bổ sung:

Ông và bà Trịnh Thị T là chỗ quen biết nên bà T có nói với ông là có người quen cần số tiền 120.000.000 đồng trong thời gian ngắn để xử lý công việc. Ngày 18/5/2025, bà T dẫn ông H đến nhà ông S và ông S có hỏi mượn số tiền 120.000.000 đồng của ông H, ông H đã chuyển khoản cho ông S xong. Do ông S là người quen của ông H và vay tiền thời gian ngắn nên hai bên không thỏa thuận lãi suất.

*** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/11/2024, bị đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày:**

Do bà Trịnh Thị T có vay, mượn tiền từ vợ chồng ông S nhiều lần. Vợ, chồng ông S có yêu cầu bà T trả số tiền nợ là 120.000.000 đồng. Khi đó, bà T có dẫn người đến là ông Nguyễn Văn H để nhờ ông H chuyển khoản vào tài khoản của ông S trả dùm cho bà T số nợ 120.000.000 đồng nên ông S có cung cấp số tài khoản để ông H chuyển tiền. Sau khi ông H chuyển tiền vào tài khoản, ông S cũng đã chuyển số tiền 120.000.000 đồng này để chuyển trả cho ông Phạm Thành Ú. Ông S hoàn toàn không quen, biết và không vay mượn tiền gì với ông H.

*** Tại các phiên hòa giải ngày 19/02/2025 và ngày 16/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C1 trình bày:**

Bà Phạm Thị C1, ông Nguyễn Thanh S hoàn toàn không quen biết gì ông Nguyễn Văn H. Thực tế, việc ông H chuyển tiền vào tài khoản của ông Nguyễn Thanh S là do bà Trịnh Thị T có nợ tiền vợ chồng bà C1, ông S nên vào ngày 18/5/2024, bà T mới dẫn ông H xuống nhà nói chuyện và bà T nhờ ông H chuyển tiền vào tài khoản của ông S để trả khoản nợ của bà Trịnh Thị Thanh N vợ, chồng bà C1, ông S chứ ông S, bà C1 hoàn toàn không vay mượn tiền gì từ ông H. Nội dung trao đổi cuộc nói chuyện ngày 18/5/2025 bà C1 có ghi âm lại. Do ông H chuyển trả tiền khoản nợ của bà T nên ông S cung cấp số tài khoản cho ông H

chuyển tiền, sự việc này cũng có nhiều người làm chứng. Đề nghị ông H khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền cho ông Nguyễn Văn H chứ bà C1 và ông S không liên quan gì.

*** Tại Bản tự khai ngày 12/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T trình bày:**

Bà Trịnh Thị T và ông Nguyễn Thanh S là chỗ quen biết. Do đang cần tiền trả nợ số tiền 120.000.000 đồng nên ông S có nhờ bà T giới thiệu người cho vay tiền nên bà T đã giới thiệu ông Nguyễn Văn H đến gặp ông S. Ngày 18/5/2024, tại nhà ông S thì ông H có chuyển tiền vào tài khoản của ông S để ông S vay số tiền 120.000.000 đồng. Bà T khẳng định số tiền 120.000.000 đồng này là do ông H cho ông S mượn, không liên quan gì đến bà T.

*** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 16/4/20205, người làm chứng ông Phạm Thành Ú trình bày:**

Ông Ú là người cùng địa phương và có quen biết với vợ, chồng ông S, bà C1. Vợ, chồng ông S, bà C1 có mượn tiền ông Ú nhiều lần. Ngày 18/5/2024, ông Ú có đến nhà của ông S để lấy tiền. Tại nhà ông S có có vợ chồng ông S, bà C1, 01 người phụ nữ và 02 người đàn ông khác. Ông Ú có nghe nội dung trao đổi như sau: Chị đó (bà T) có thiếu tiền ông S nên bà T có nhờ người đàn ông đi cùng chuyển tiền cho ông S. Sau đó ông S chuyển tiền trả cho ông Ú 120.000.000 đồng. Chị đó (bà T) hỏi ông S ngày mai có cho mượn lại tiền được không, sau đó người phụ nữ đó và ông S có trực tiếp nói với ông Ú ráng giúp, ông Ú có nói để tính sau. Sau khi nhận tiền, thì ông Ú đi về nhà, những người có mặt có trao đổi gì không thì ông Ú không biết.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Ông Dương Thành C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh S phải trả lại số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả nợ tính từ ngày 01/6/2024 đến ngày xét xử nay là hơn 12 tháng, tính tròn là 12 tháng với lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 11.952.000 đồng, tổng cộng yêu cầu ông Nguyễn Thanh S phải trả là 131.952.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C1, bà Trịnh Thị T và người làm chứng ông Phạm Thành Ú vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, buộc ông Nguyễn Thanh S trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi do chậm

trả nợ là 11.952.000 đồng, tổng cộng là 131.952.000 đồng. Ngoài ra, về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông S chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh S phải trả nợ vay; Ông S có nơi cư trú tại Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Trịnh Thị T tham gia vụ án với tư cách người làm chứng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày nội dung tranh chấp là việc vay, mượn nợ giữa ông H và bà T, không liên quan đến bị đơn. Do đó, Hội đồng xác định tư cách tố tụng của bà Trịnh Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. *Về nội dung:* Tại phiên tòa, ông Dương Thành C là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh S phải trả lại số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả từ ngày 01/6/2024 đến ngày xét xử làm tròn 12 tháng là 11.952.000 đồng, tổng cộng yêu cầu ông Nguyễn Thanh S phải trả là 131.952.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ:

[2.1]. Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông H có giao nộp Ủy nhiệm chi ngày 18/5/2024 tại Ngân hàng TMCP Á thể hiện việc chuyển số tiền 120.000.000 đồng vào số tài khoản 6908205226481 của ông Nguyễn Thanh S mở tại Ngân hàng N1. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cũng thừa nhận sự việc ông H có chuyển tiền vào tài khoản của ông S như nêu trên. Như vậy, ông H đã có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình theo quy định tại Khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông H và ông S đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.2]. Bị đơn ông Nguyễn Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C1 cho rằng việc ông H chuyển số tiền 120.000.000 đồng vào tài khoản của ông S là nhằm để trả nợ thay cho bà Trịnh Thị T, hoàn toàn không có việc ông S vay tiền của ông H, lời trình bày này không được Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ:

[2.2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, ông S, bà C1 cho rằng tại nhà ông S, ông H có chuyển khoản số tiền 120.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của ông S

để trả nợ thay cho bà T, có sự chứng kiến của ông Phạm Thành Ú và bà C1 có ghi âm lại cuộc nói chuyện. Tuy nhiên, tại Biên bản lời khai ngày 16/4/2025 (BL số 39), ông Ú trình bày chỉ nghe việc bà T có nợ tiền ông S, bà C1 và có nhờ người đàn ông chuyển tiền cho ông S, hoàn toàn không biết mục đích chuyển tiền để làm gì.

[2.2.2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã ban hành Thông báo số 01/2024/TB-TA ngày 18/11/2024 (BL số 16) yêu cầu ông S giao nộp file ghi âm cuộc nói chuyện và có Văn bản giải trình nội dung ghi âm nhưng ông S không thực hiện.

[2.2.3]. Tại Bản tự khai ngày 12/5/20205 (BL số 58), bà Trịnh Thị T khẳng định chỉ giới thiệu ông H để ông S vay, mượn tiền nên số tiền 120.000.000 đồng này là của ông H cho ông S mượn, không liên quan gì đến bà.

[2.2.4]. Tại Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Trong vụ án này, ông S phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng không giao nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Ông S cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

[2.3]. *Về yêu cầu tính lãi do chậm trả nợ:*

Theo nguyên đơn trình bày, hai bên có thỏa thuận bằng lời nói thời hạn vay là 01 tuần từ ngày 18/5/2024 đến ngày 25/5/2024, không thỏa thuận lãi suất. Như vậy, đến ngày 26/5/2024, ông S không thực hiện việc trả tiền là vi phạm thời hạn trả nợ của bên vay. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi do chậm trả tiền từ ngày 01/6/2024 cho đến ngày xét xử, tính tròn là 12 tháng, mức lãi suất là 0,83%/tháng, với số tiền lãi chậm trả nợ là 11.952.000 đồng là đã có phần có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về phương thức trả nợ:* Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông S phải trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông S vay tiền của ông H từ ngày 18/5/2024 cho đến nay là đã lâu nhưng ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi chính đáng của nguyên đơn. Cần thiết buộc buộc ông S phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông H ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[4]. *Về án phí:* Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền án phí phải chịu là 6.597.600 đồng.

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên

được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các 357, 463, 466 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Nguyễn Thanh S phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc là **120.000.000 đồng** (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi do chậm trả nợ là **11.952.000 đồng** (*Mười một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng*), tổng cộng là **131.952.000 đồng** (*Một trăm ba mươi một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng*). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông Nguyễn Thanh S chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Thanh S phải chịu **6.597.600 đồng** (*Sáu triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **3.100.000 đồng** (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003629 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn H, ông Dương Thành C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm; Ông Nguyễn Thanh S, bà Phạm Thị C1 và bà Trịnh Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu